TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2020
Về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST – HNGĐ ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: khu 1, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư H1, phường L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn N**, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu 1, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Anh N hiện đang chấp hành án tại phân đội 2, phân trại KSX Kinh Môn, trại giam Hoàng Tiến). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương(nay là phường T, thị xã Kinh Môn) vào ngày 04/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chời bời, không có trách nhiệm với gia đình. Chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N không thay đổi mà còn chơi bời nhiều hơn, dẫn đến anh N đi vào con đường tệ nạn xã hội, chửi bới, xúc phạm chị. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị đã có đơn xin ly hôn với anh N gửi đến Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, song vì nghĩ đến con nên chị lại đã rút đơn về. Năm 2016, do anh N chơi bời, dẫn đến phạm tội và phải đi chấp hành án từ đó cho đến nay. Nay, Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị H và anh N có 01 con chung Nguyễn Thành L1, sinh ngày 26/9/2014. Từ nhỏ cháu L1 vẫn do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện anh N vẫn đang phải chấp hành án, khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản tự khai và được bổ sung tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Tuấn N trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thị xã Kinh Môn). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 12/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời dẫn đến vi phạm pháp luật và đi chấp hành án, dẫn đến vợ chồng có những khoảng cách nhất định. Nay, Chị H xin ly hôn với anh, anh đề nghị Chị H suy nghĩ lại để khi anh chấp hành án xong, vợ chồng được đoàn tụ, con cái có bố có mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với Chị H. Trường hợp Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh, quan điểm của anh tùy Chị H quyết định. Hiện anh đang phải chấp hành án nên không thể có mặt tại Tòa án, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh N, Chị H có 01 con chung cháu Nguyễn Thành L1, sinh ngày 26/9/2014. Hiện anh đang chấp hành án hình phạt tù, khi ly hôn, Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung

cùng với Chị H, anh N cũng nhất trí.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung, cụ thể như sau:

Lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn Bội(bố đẻ anh N) khai:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H, anh N là do anh N chơi bời, dẫn đến phạm tội. Từ năm 2016 đến nay, anh N chấp hành hình phạt tù tại trại giam Hoàng Tiến, dẫn đến anh N, Chị H mỗi người một nơi. Từ thời điểm anh N đi chấp hành án, Chị H vẫn sinh sống tại gia đình ông, trong cuộc sống giữa Chị H với gia đình nhà chồng, cũng như anh N, ông không thấy điều tiếng gì. Ngày 10/01/2020 khi Chị H và cháu L1 về nhà bố mẹ đẻ của Chị H sinh sống, thì ông được biết Chị H có ý định xin ly hôn với anh N. Nay Chị H xin ly hôn với anh N, quan điểm của ông tùy Chị H quyết định.

Lời khai của người làm chứng bà Mạc Thị Tài(mẹ đẻ Chị H) xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh N là do anh N chơi bời, anh N đi chấp hành án. Nay Chị H xin ly hôn với anh N, quan điểm của bà tùy Chị H quyết định. Hiện Chị H và cháu L1 đang sinh sống tại gia đình bà, trường hợp Chị H được nuôi dưỡng cháu L1, bà sẽ tạo điều kiện ổn định về chỗ ăn, ở cho mẹ con Chị H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trịnh Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, xin được nuôi dưỡng con chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn anh N hiện đang chấp hành án vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung: Đối với quan hệ tình cảm vợ chồng: Mâu thuẫn vợ chồng Chị H, anh N đã đến mức trầm trọng. Cần chấp nhận yêu cầu của Chị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh N. Về con chung, giao con chung cháu Nguyễn Thành L1 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của Chị H.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn N cư trú tại khu 1, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh N hiện đang chấp hành án vắng mặt tại phiên tòa và đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Mặc khác quá trình giải quyết vụ án anh N có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do vậy, HĐXX xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Tuấn N đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương(nay là phường T, thị xã Kinh Môn) vào ngày 04/4/2014 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình của nguyên đơn tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và kết quả xác minh tại các ban ngành đoàn thể địa phương nơi cư trú, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình chung sống vợ chồng anh N, Chị H đã xảy mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, dẫn đến vi phạm pháp luật, từ năm 2016, anh N phải đi chấp hành hình phạt tù, vợ chồng mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, Chị H, anh N không đồng ý ly hôn và đề nghị Chị H suy nghĩ lại, song Chị H xác định tình cảm của chị với anh N không còn, từ lâu đôi bên không ai còn có sự quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Trên cơ sở thực trạng quan hệ hôn nhân giữa Chị H, anh N và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ vợ chồng, anh N đã vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H, xử cho Chị H được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị H, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành L1, sinh ngày 26/9/2014. Chị H yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có quan điểm: hiện anh đang chấp hành hình phạt tù, khi ly hôn anh nhất trí để cho Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H, giao con chung cháu Nguyễn Thành L1 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] *Về tài sản, vay nợ chung:* Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Do vậy, không xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn N.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao con chung cháu Nguyễn Thành L1, sinh ngày 26/9/2014 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày 17/4/2020 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng

án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000550 ngày 05/2/2020. Chị H đã chấp hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THA DS thị xã Kinh Môn;
- Nơi đăng ký kết hôn (UBND phường T);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh